



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019



Tháng 02 năm 2020

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	8
5. Định hướng phát triển.....	10
6. Các rủi ro	11
7. Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của SAFOCO so với các doanh nghiệp khác trong ngành	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2. Tổ chức và nhân sự	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	16
4. Tình hình tài chính.....	16
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	17
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	19
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	21
2. Tình hình tài chính.....	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	24
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	24
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	25
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	25
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	25
2. Đánh giá của HĐQT về mức độ hiệu quả Ban Tổng Giám đốc.....	26
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị.....	26
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	27
1. Hội đồng quản trị	27
2. Ban Kiểm soát	29
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát.....	31
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	33
1. Ý kiến kiểm toán.....	33
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	35

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- SAFOCO : Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- NLĐ : Người lao động
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- VSATTP : Vệ sinh an toàn thực phẩm
- ATVSLĐ : An toàn vệ sinh lao động
- BHLĐ : Bảo hộ lao động
- CB.CNV : Cán bộ công nhân viên

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303752249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 14/4/2005, thay đổi lần thứ 12 ngày 21/6/2016.
- Vốn điều lệ : 79.181.540.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (31/12/2019): 137.596.984.739 đồng
- Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, P. Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM
- Số điện thoại : 84 - 28 37245264
- Số fax : 84 - 28 37245263
- Website : www.safocofood.com
- Email : safoco@hcm.vnn.vn
- Mã cổ phiếu : SAF

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình thành lập

- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO tiền thân là Cửa hàng Lương thực Thực phẩm Số 4 được thành lập năm 1995 theo Quyết định số 224/STM-QĐ ngày 29/4/1995 của Sở Thương mại Tp.HCM, là đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty Lương thực Tp.Hồ Chí Minh;

- Năm 1999, Cửa hàng được đổi tên thành Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm SAFOCO theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 10/5/1999 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam;

- Năm 2004, Xí nghiệp đã tiến hành cổ phần hóa và chuyển hình thức doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

- Năm 2005, Xí nghiệp chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/5/2005 theo Giấy phép kinh doanh số 4103003305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2005 với vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng*), trong đó Nhà nước nắm giữ 51,29%.

b) Thời điểm niêm yết

- Ngày 28/12/2006, chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SAF, theo Giấy phép niêm yết số 95/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2006;

- Ngày 08/6/2009, chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHN ngày 26/5/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

c) Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng
2005			22.000.000.000
2006	Phát hành thêm cổ phiếu	5.060.000.000	27.060.000.000
2010	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.246.720.000	30.306.720.000
2011	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	15.151.050.000	45.457.770.000
2014	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	13.634.850.000	59.092.620.000
2016	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	20.088.920.000	79.181.540.000

d) Các thành tích đạt được:

Công ty vinh dự được Nhà nước tặng thưởng:

- Huân chương lao động: hạng III (năm 1991), hạng II (năm 1998), hạng I (năm 2005).
- Huân chương Độc lập: hạng III (năm 2009).
- 10 Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ.
- 07 Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Và nhiều giải thưởng cao quý khác của các cơ quan, ban ngành khen tặng như:

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trao giải thưởng “Bông lúa vàng”.

+ Tổng liên đoàn lao động Việt Nam công nhận là “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động” năm 2018.

+ Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công nhận: là 01 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX (2016-2017); Top 30 doanh nghiệp công bố thông tin minh bạch nhất sàn chứng khoán; Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam năm 2018.

+ Chủ tịch UBND phường Linh Tây tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018.

+ Chủ tịch UBND Quận Thủ Đức tặng Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp tích cực trong phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" năm 2019.

Và một số giải thưởng khác như:

+ 16 năm liên tục được người tiêu dùng bình chọn chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao.

+ Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập.

+ Top 10 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam; Sản phẩm vàng - Dịch vụ vàng Việt Nam; Top 100 thương hiệu uy tín tin dùng ASEAN.

Năm 2019, Safoco tiếp tục được bình chọn là: Hàng Việt Nam chất lượng cao; Top 20 Nhãn hiệu nổi tiếng – Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam; Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất cùng hệ thống ngành kinh tế Việt Nam; Doanh nghiệp phát triển bền vững...

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY



NUI VÀNG



NUI GẠO



NUI CAO CẤP



NUI NẤU ĂN LIÊN



**MÌ TRỨNG
CAO CẤP**



**MÌ TRỨNG
THƯỢNG HẠNG**



**MÌ XÀO
CAO CẤP**



MÌ RAU CỦ



BÚN GẠO



BÚN GẠO



BÚN TƯƠI



BÚN XÀO



Bánh tráng 16cm



Bánh tráng 22cm

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: mì sợi, bún, nui, bánh tráng;
- Mua bán: các mặt hàng lương thực thực phẩm, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

b) Địa bàn kinh doanh

- Thị trường trong nước: Công ty có hệ thống phân phối với hơn 4.500 điểm bán hàng thông qua các đại lý, hệ thống siêu thị (Co.op Mart, Mega Market, Lotte Mart, VinMart, Aeon, Big C, SatraMart...), các Co.op Food, Bách hóa xanh, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tạp hóa, tiểu thương tại các chợ ... trên khắp cả nước, phân phối sản phẩm Safoco đến tận tay người tiêu dùng.

- Thị trường xuất khẩu: Safoco cũng đã thâm nhập được vào những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Anh, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Cộng hòa Séc, Israel, Thái Lan, Singapore, Philippines...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

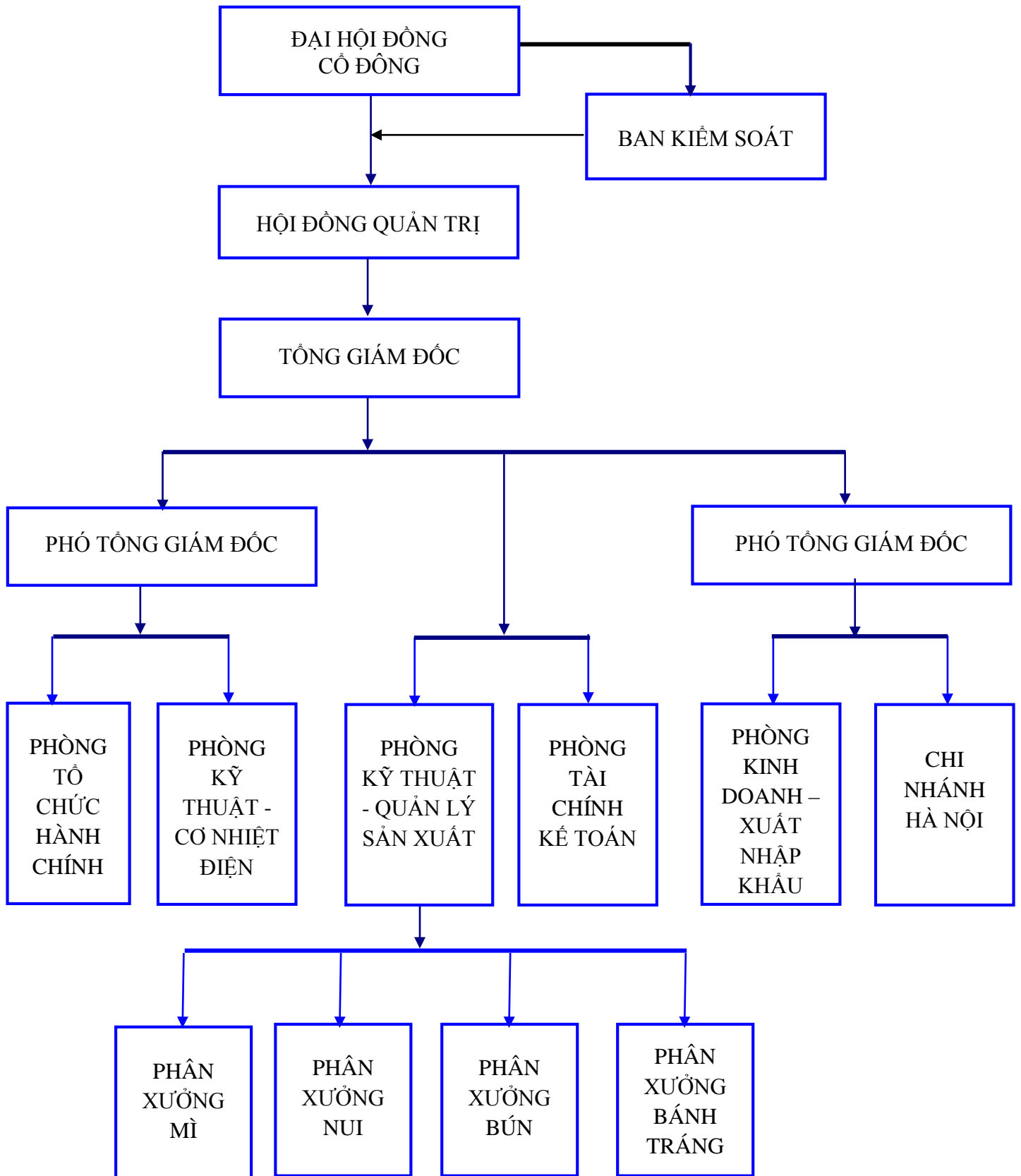
- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ do luật pháp, Điều lệ công ty quy định;

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ giám sát, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc theo quy định trong Điều lệ công ty, các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và các văn bản pháp luật;

- Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty trong đó đứng đầu là Tổng giám đốc.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong sản xuất chế biến thực phẩm khô, cung cấp sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, đây là mục tiêu được ưu tiên đặc biệt của Safoco vì đó không chỉ là trách nhiệm của nhà sản xuất mà còn yếu tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp.

- Tiếp tục duy trì và xây dựng hệ thống phân phối vững mạnh ở thị trường trong và ngoài nước, tăng cường mở rộng mạng lưới tiêu thụ, gia tăng thị phần và giữ vững vị thế thương hiệu Safoco trên thị trường.

- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp và vận dụng chính sách lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ khác, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Liên tục cải tiến và thực thi tốt các mục tiêu về xã hội và môi trường.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty

- Tiếp tục duy trì chiến lược phát triển thị trường bền vững, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, tối đa hóa lợi nhuận, hài hòa cả 03 lợi ích Nhà nước – Cổ đông – Người lao động.

- Không ngừng đầu tư đẩy mạnh hoạt động sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, uy tín trên thị trường.

- Mở rộng mạng lưới phân phối, tăng tính đa dạng của sản phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

- Tăng cường chương trình xúc tiến thương mại với các đối tác nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu gia tăng nguồn thu ngoại tệ.

- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ kế thừa, phát huy năng lực lao động có kỹ thuật tay nghề giỏi.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Luôn tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty, tuân hoàn, tái sử dụng nguồn tài nguyên, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, sử dụng năng lượng có hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên thiên nhiên nhằm đảm bảo sức khỏe cho NLĐ và cộng đồng dân cư địa phương.

- Đảm bảo quy trình sản xuất luôn đạt vệ sinh an toàn thực phẩm. Đối với sản phẩm xuất khẩu, phải tuân thủ tiêu chuẩn của từng nước sở tại (như: Tiêu chuẩn của khối EU, tiêu chuẩn FDA của nước Mỹ, tiêu chuẩn của Hàn quốc,...).

- Đảm bảo trách nhiệm chia sẻ khó khăn với cộng đồng xã hội luôn hài hòa với sự phát triển của Công ty bằng các hoạt động như: xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các gia đình chính sách, gia đình nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

6. Các rủi ro

a) Rủi ro tỷ giá: Hiện nay, sản phẩm Safoco đã xuất khẩu sang các thị trường lớn: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU,...do đó biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

b) Rủi ro cạnh tranh: Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới, điều này dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài cả về giá thành lẫn chất lượng sản phẩm.

Ngoài ra, Công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm nhập ngoại, sản phẩm do các doanh nghiệp FDI sản xuất, sản phẩm nhãn hàng riêng của các siêu thị, hàng bán xá (không có bao bì), hàng kém chất lượng giá rẻ bày bán tràn lan tại các chợ... đây là những rủi ro thường xuyên mà Công ty phải đối mặt. Chính vì vậy, Công ty phải chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm nhưng giá thành phù hợp mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

c) Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:

Chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối trong giá thành sản xuất của Công ty. Do đó, sự biến động giá cả nguyên vật liệu chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Đôi khi, chất lượng nguyên liệu đầu vào của một số nhà cung cấp chưa đạt tiêu chuẩn chất lượng của Công ty yêu cầu.

d) Rủi ro về pháp lý: hệ thống các văn bản pháp luật đang trong giai đoạn sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với các cam kết quốc tế khi Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Do đó, những sự thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của Công ty.

đ) Rủi ro khác: các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

7. Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của SAFOCO so với các doanh nghiệp khác trong ngành

- Thương hiệu Safoco phát triển bền vững, là thương hiệu nổi tiếng với những ưu điểm: sản phẩm chất lượng cao, đa dạng, mẫu mã bao bì đẹp, bắt mắt, mùi vị đặc trưng, đảm bảo an toàn thực phẩm, giá trị dinh dưỡng cao, giá bán hợp lý... và đã được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu độc quyền ở Việt Nam và các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU.

- Công ty có hệ thống phân phối với hơn 4.500 điểm bán hàng thông qua các đại lý, hệ thống siêu thị (Co.op Mart, Mega Market, Lotte Mart, VinMart, Aeon, Big C, SatraMart...), các Co.op Food, Bách hóa xanh, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tạp hóa, tiểu thương tại các chợ... trên khắp cả nước, phân phối sản phẩm Safoco đến tận tay người tiêu dùng.

- Nhà xưởng được nâng cấp, máy móc thiết bị được đầu tư mới, tăng năng lực sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Nguồn nhân lực có kinh nghiệm, nhân viên lành nghề, thạo việc, trung thành, thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ và tay nghề.
- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn, đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

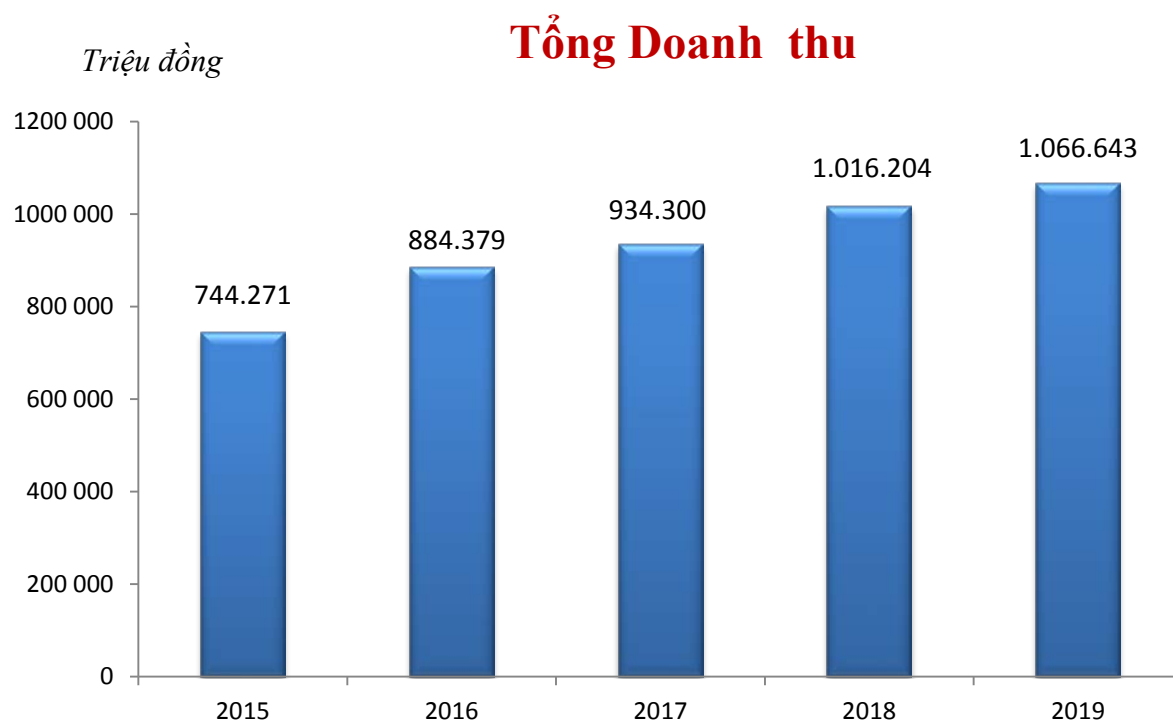
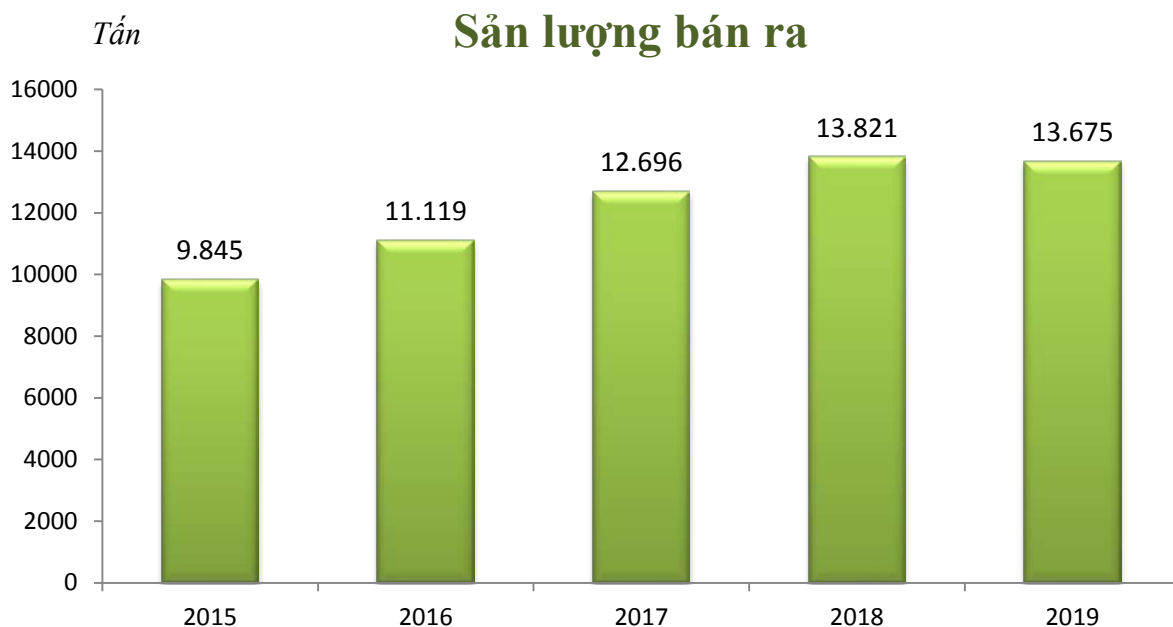
a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

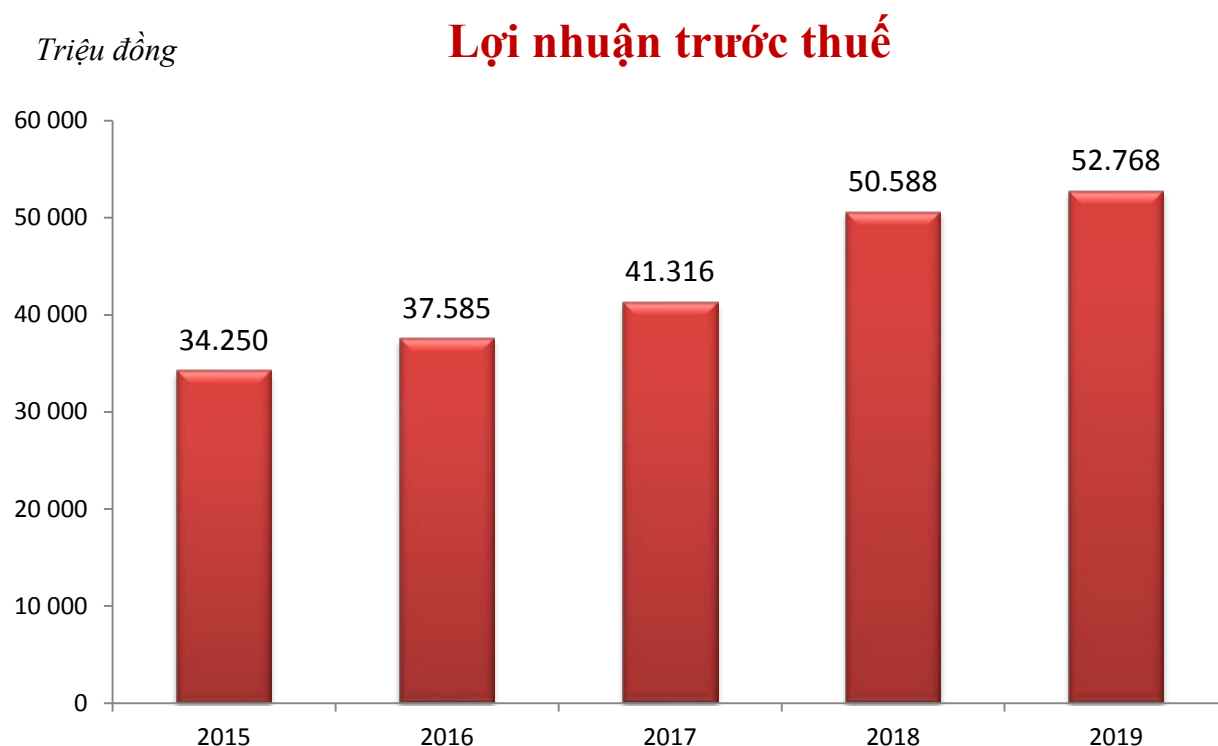
Năm 2019 là một năm đầy khó khăn, thử thách do ảnh hưởng của thời tiết diễn biến bất thường, dịch tả lợn lây lan trên diện rộng và kéo dài, thị trường cạnh tranh khốc liệt, chi phí giá thành sản phẩm tăng cao... Trước bối cảnh đó, Ban Tổng giám đốc bám sát chỉ đạo của HĐQT và đã có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển sản phẩm, chiến lược kinh doanh, cải tạo nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị, phát triển mở rộng mạng lưới phân phối trong và ngoài nước... cùng với sự đoàn kết của toàn thể người lao động trong công ty, đồng tâm hiệp lực thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		% Thực hiện 2019 so với	
				Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2018
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	15.039	15.600	13.850	88,78	92,09
2	Sản lượng bán ra	Tấn	13.821	14.100	13.675	96,99	98,94
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	1.016.204	1.035.000	1.066.643	103,06	104,96
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	50.588	57.000	52.768	92,58	104,31
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	40.266		41.989		104,28
6	Lãi cơ bản/ cổ phiếu	Đồng	5.085		5.303		104,29

b) Tình hình thực hiện so với cùng kỳ

Biểu đồ về sản lượng bán ra, tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế và trong 5 năm gần đây, thể hiện các chỉ tiêu SXKD đều tăng trưởng - năm sau cao hơn năm trước.





2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1- Bà Phạm Thị Thu Hồng - Tổng Giám đốc	
- Ngày, tháng, năm sinh	: 04/7/1957
- Nơi sinh	: Hải Hưng
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Chứng chỉ CEO
- Địa chỉ thường trú	: 173 Nguyễn Kim, phường 7, Quận 10, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu	: 850.513 cp

2- Ông Nguyễn Tuấn Bao - Phó Tổng Giám đốc		
- Ngày, tháng, năm sinh	:	19/6/1952
- Nơi sinh	:	Long An
- Trình độ chuyên môn	:	Chứng chỉ CEO
- Địa chỉ thường trú	:	172 Bà Hạt, phường 9, Quận 10, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu	:	0 cp
3- Ông Nguyễn Công Minh Khoa - Phó Tổng Giám đốc		
- Ngày, tháng, năm sinh	:	02/10/1978
- Nơi sinh	:	Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ thường trú	:	48/17A Hồ Biểu Chánh, phường 11, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu	:	28.125 cp
4- Bà Nguyễn Thị Nga - Kế toán trưởng		
- Ngày, tháng, năm sinh	:	21/4/1959
- Nơi sinh	:	Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Ngành Kế toán công nghiệp
- Địa chỉ thường trú	:	57/2 Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu	:	5.392 cp

b) Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2019: không

c) Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động

– Số lượng CB.CNVLĐ: Tổng số CB.CNVLĐ tính đến ngày 31/12/2019 là 657 lao động, trong đó:

Phân loại theo trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
- Trên Đại học	01	0,2 %
- Đại học	40	6,1 %
- Cao Đẳng	29	4,4 %
- Trung cấp	24	3,6 %
- Cấp 1,2,3	563	85,7 %

Phân loại theo Hợp đồng lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
- Không xác định thời hạn	465	70,8 %
- Thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	192	29,2 %

– Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội về ký Hợp đồng lao động, đóng BHXH-BHYT-BHTN. Đảm bảo thu nhập cho NLD được ổn định, mức lương tương xứng với vị trí chức danh đảm nhiệm, năng lực, hiệu quả công việc và cạnh tranh so với thị trường lao động.

Công ty tiếp tục thực hiện nhiều chính sách phúc lợi đối với người lao động như: hỗ trợ tiền đi nghỉ mát, ngày tết cổ truyền dân tộc, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày lễ 30/4 và 1/5, Quốc khánh 2/9, tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày lễ 8/3, 20/10, tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 1/6, trao học bổng các cháu học sinh giỏi là con của người lao động trong Công ty...

Chăm lo tốt bữa ăn của NLD, đảm bảo đủ dinh dưỡng, nguyên liệu chế biến tươi ngon, có nguồn gốc rõ ràng, thực đơn được thay đổi hàng ngày, quy trình chế biến tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Y tế.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thường xuyên đào tạo về ATVSLĐ, xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, hàng năm có thực hiện quan trắc môi trường lao động, kết quả đo kiểm tra các yếu tố môi trường lao động đều đạt tiêu chuẩn an toàn lao động.

Năm 2019 tiền lương bình quân của người lao động là 13,829 triệu đồng/người/tháng, tăng hơn 1% so với cùng kỳ năm 2018 (13,668 triệu đồng/người/tháng).

Công ty đã vận dụng chính sách tiền lương, thưởng hợp lý, khuyến khích lao động chuyên cần, động viên người lao động nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Chính vì vậy, mà công ty không bị thiếu hụt lao động, giữ được người lao động có tay nghề giỏi ở lại làm việc lâu dài.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2019, Công ty đã thực hiện hoàn thành 19 hạng mục đầu tư Mua sắm – XDCB với tổng giá trị thực hiện 15.801 triệu đồng, trong đó:

- Hoàn thành 10 hạng mục đầu tư mua sắm với tổng giá trị 9.319 triệu đồng;
- Hoàn thành 9 hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản với tổng giá trị 6.482 triệu đồng.

Công tác đầu tư đều hoàn thành đúng tiến độ, có hiệu quả và tiết kiệm chi phí, tài sản sau khi đầu tư kịp thời đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị được thiết kế hợp lý, thi công đạt tiêu chuẩn, góp phần tiết kiệm, tránh hao phí, tổn thất trong quá trình vận hành, tỷ suất chi phí so với doanh thu mà công ty thực hiện ngày càng giảm.

Ngoài ra công tác sửa chữa bảo dưỡng, duy tu thường xuyên là một trong những thế mạnh, góp phần mang lại cho công ty những thành công, ổn định sản xuất và hiệu quả trong thời gian qua.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng (+) /Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	198.107	211.771	13.664
2	Doanh thu thuần	1.011.283	1.063.487	52.204
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.601	51.931	2.330
4	Lợi nhuận khác	987	837	-150
5	Lợi nhuận trước thuế	50.588	52.768	2.180
6	Lợi nhuận sau thuế	40.266	41.989	1.723
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	38% (*)	8%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2018 và năm 2019 đã kiểm toán

(*):cổ tức dự kiến

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,14	2,28
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,10	1,07
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	36,02	34,92
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	56,29	53,66

Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	14	11
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	5,1	5,03
4	Khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	3,98	3,95
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	31,77	30,52
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	20,33	19,86
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,90	4,88

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 7.918.154 cổ phần;
- Loại cổ phần đang lưu hành : 7.918.154 cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 7.918.154 cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Vốn điều lệ	313	79.181.540.000	100%
1. Theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	03	67.953.140.000	85,82
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	310	11.228.400.000	14,18
2. Theo loại hình sở hữu			
- Cổ đông tổ chức	20	60.127.300.000	75,94
- Cổ đông cá nhân	293	19.054.240.000	24,06

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
3. Theo trong và ngoài nước			
- Cổ đông trong nước	267	76.322.180.000	96,39
- Cổ đông nước ngoài	46	2.859.360.000	3,61
4. Theo nhà nước và tư nhân			
- Cổ đông nhà nước	01	40.618.520.000	51,30
- Cổ đông khác	312	38.563.020.000	48,70

Nguồn: Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 188/2019-SAF/VSD-ĐK ngày 11/3/2019 do VSD cung cấp.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu;
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: không có.

đ) Các chứng khoán khác

Năm 2019 Công ty không có phát hành các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm 2019:

- Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng : 24.548 tấn
- Sản phẩm đóng gói : 13.850 tấn

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế đưa vào sử dụng để sản xuất sản phẩm là 0%.

Công ty thực hiện việc sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu thông qua các hoạt động như: kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất và có các giải pháp tái sử dụng nguyên liệu dư thừa, không sử dụng.

b) Tiêu thụ năng lượng

- Điện : 3.788.434 kwh.
- Than đá : 151 tấn.
- Than cám : 9.896 tấn.

c) Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước:

+ Nguồn nước thủy cục: lượng nước sử dụng là 29.596 m³ được dùng cho các mục đích: trực tiếp đưa vào sản xuất sản phẩm và nấu ăn.

+ Nguồn nước ngầm khai thác từ tầng sâu (đã qua xử lý, đảm bảo các chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn nước cấp cho sản xuất và sinh hoạt của Bộ Y tế): lượng nước sử dụng là 68.876 m³, được dùng để: vận hành của lò hơi, vệ sinh thiết bị, máy móc, vệ sinh nhà xưởng, tưới cây...

+ Lượng nước sử dụng trung bình là 6,5 m³/tấn sản phẩm

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái sử dụng: Để thực hiện chính sách tiết kiệm nước, công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp đã mang lại hiệu quả về làm giảm mức tiêu thụ nước như tăng lượng tuần hoàn, tái sử dụng, cải tạo quy trình công nghệ để giảm tiêu thụ nước, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm trong toàn Công ty.

Do đó trong năm qua tỉ lệ lượng nước tái sử dụng tại công ty đạt 18% tổng lượng nước sử dụng.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước;

- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường: áp dụng công nghệ mới, đầu tư thiết bị và cơ sở hạ tầng, tối ưu hóa quy trình sản xuất, lựa chọn nguyên liệu thân thiện môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom các chất độc hại trước khi thải ra môi trường...

- Sử dụng tiết kiệm điện, nước, giảm lượng năng lượng hao phí trong quá trình sử dụng.

- Nâng cao nhận thức NLD về ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng, nước hợp lý, tiết kiệm, phân loại rác thải trước khi thải ra môi trường.

đ) Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Số lượng CB.CNV: tổng số lao động đến tháng 12/2019 là 657 người.

+ Mức lương trung bình: 13.829.000 đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Chính sách liên quan đến người lao động:

+ Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho Người lao động; các chức danh nghề thuộc

nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc...

+ Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy, quy trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

+ Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Trong năm 2019, Công ty không xảy ra trường hợp nào là tai nạn lao động.

- Hoạt động đào tạo Người lao động:

Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Năm 2019, Công ty đã tổ chức cho Người lao động tập huấn nâng cao kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng, tay nghề như: Tập huấn “Quy tắc xuất xứ hàng hóa và thủ tục cấp C/O mẫu E trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc (ACFTA)”; Tập huấn về “Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản mới được ban hành”; Đào tạo “Kinh nghiệm và kỹ năng xây dựng định mức lao động và đơn giá sản phẩm”; Tập huấn thực hiện hóa đơn điện tử; Đào tạo an toàn lao động; An toàn vệ sinh thực phẩm; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.

e) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã xác định sự phát triển kinh doanh phải luôn gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội và trách nhiệm này chính là văn hóa của Công ty. Do đó, phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động xã hội từ thiện được Công ty duy trì phát động hàng năm và được Cổ đông, toàn thể CB.CNV hưởng ứng tham gia bằng những việc làm cụ thể như:

- Xây dựng 04 căn nhà tình thương cho các hộ gia đình chính sách gặp khó khăn, các hộ nghèo của các xã thuộc tỉnh Tây Ninh, Bến Tre;

- Ủng hộ Quỹ “Vi biển đảo quê hương - Vĩ tuyến đầu Tổ quốc”; Tặng quà cho các gia đình chính sách neo đơn, các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn...

Tổng số tiền thực hiện công tác từ thiện xã hội trong năm 2019 là 450 triệu đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Đánh giá chung

Năm 2019 mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng Ban điều hành, đã năng động, nhạy bén, đồng thuận, nhất trí cao, có khả năng ứng phó với mọi diễn biến của thị trường, đưa ra các quyết sách phù hợp, không ngại khổ, ngại khó đi thực tế phát triển mở rộng thị trường và sự đoàn kết, chia sẻ của toàn thể người lao động cùng nỗ lực hết mình vượt qua khó khăn thực hiện chỉ tiêu doanh thu vượt hơn 3% kế hoạch, duy trì lợi nhuận đạt gần 93% kế hoạch năm và tăng trưởng hơn 4,3% so với cùng kỳ 2018, đảm bảo tiền lương của người lao động ổn định và tăng trưởng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, quyền lợi cổ đông được đảm bảo.

Với hiệu quả kinh doanh đạt được năm 2019, Công ty đã đóng góp vào ngân sách Nhà nước hơn 30,18 tỷ đồng.

b) Kết quả đã đạt được trong năm 2019

- Công tác sản xuất

Tiếp tục vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và HACCP, không ngừng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất để giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của khách hàng trong nước và xuất khẩu.

Thực hiện đúng quy trình sản xuất, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nguyên phụ liệu đầu vào, đảm bảo an toàn chất lượng, đáp ứng đủ yêu cầu sản xuất, máy móc thiết bị được đầu tư, bảo trì bảo dưỡng kịp thời.

Nhiều năm liền, Công ty không tiếp nhận khiếu nại nào của khách hàng về chất lượng sản phẩm.

- Công tác kinh doanh

Thị trường nội địa: Phát triển và khai thác tốt mạng lưới phân phối sản phẩm trên toàn quốc với hơn 4.500 điểm bán hàng thông qua các đại lý, hệ thống siêu thị (Co.op Mart, Mega Market, Lotte Mart, VinMart, Aeon, Big C, SatraMart...), các Co.op Food, Bách hóa xanh, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tạp hóa, tiểu thương tại các chợ... bằng những chính sách bán hàng linh hoạt theo từng thời kỳ, từng địa phương và phù hợp với biến động thị trường. Tuy nhiên do ảnh hưởng của thời tiết diễn biến bất thường, dịch tả lợn Châu Phi lây lan trên diện rộng, thị trường cạnh tranh khốc liệt... nên sản lượng tiêu thụ nội địa năm 2019 đạt 10.530 tấn, giảm 4,5% so với cùng kỳ 2018 (11.031 tấn). Riêng thị trường miền Bắc, Công ty tập trung đẩy mạnh các chương trình bán hàng, khuyến mãi cả hệ thống siêu thị và bán lẻ nhằm gia tăng sản lượng tại khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận, do vậy sản lượng bán ra khu vực này năm 2019 đạt 870 tấn tăng 4,4% so với cùng kỳ 2018.

Thị trường xuất khẩu: Công ty đã thực hiện các chương trình khuyến mãi, chào giá bán cạnh tranh, giảm giá hấp dẫn cho các thị trường mới nên sản lượng tiêu thụ của thị trường này tăng trưởng khá tốt, năm 2019 sản lượng xuất khẩu đạt 3.145 tấn, tăng hơn 12,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Thực hiện đúng quy định về đăng ký chương trình khuyến mãi năm 2019 tại sở Công thương các tỉnh thành trên cả nước.

Hoạt động kinh doanh của nhà hàng, gian hàng, điểm bán trực thuộc cũng ổn định và hiệu quả, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận chung của Công ty.

- Công tác tài chính

Công ty quản lý dòng tiền có hiệu quả, sử dụng vốn đúng mục đích, linh hoạt, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối chiếu và thu hồi công nợ đúng quy định trong các hợp đồng đã ký; có chính sách thanh toán linh hoạt cho nhà phân phối, do đó Công ty không có trường hợp nào là công nợ khó đòi.

Năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và Bảo hiểm tiền, tài sản với Công ty Bảo Việt Sài Gòn.

- Công tác đầu tư

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị đã mang lại hiệu quả cho công ty: Quy hoạch, mở rộng các phân xưởng, đầu tư mới máy móc thiết bị, thay đổi quy trình công nghệ, nâng cấp các kho chứa hàng thành phẩm, tăng năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng, sản lượng, giảm hao phí lao động, tăng diện tích chứa hàng...

- Công tác tổ chức lao động

CB.CNV luôn duy trì tốt tinh thần làm việc nhiệt tình, kiên trì phấn đấu vượt khó và tự giác học tập rèn luyện kỹ năng tay nghề... để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhờ đó, năng suất lao động hằng năm đều tăng hơn năm trước.

Công ty đảm bảo việc làm ổn định và thực hiện điều chỉnh tăng chính sách tiền lương tiền thưởng để CB.CNV.LĐ an tâm làm việc cho đơn vị.

2. Tình hình tài chính

Nhìn chung, tình hình tài chính SAFOCO trong năm 2019 lành mạnh, an toàn, khả năng thanh toán cao, nguồn vốn được sử dụng hiệu quả hơn.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/ Giảm
1- Tài sản ngắn hạn	152.899	168.276	15.377
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.835	9.578	-2.257
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	27.502	25.002	-2.500
- Các khoản phải thu ngắn hạn	38.772	44.085	5.313
- Hàng tồn kho	74.583	89.327	14.744
- Tài sản ngắn hạn khác	207	284	77
2- Tài sản dài hạn	45.208	43.495	-1.713
- Các khoản phải thu dài hạn	134	39	-95
- Tài sản cố định hữu hình	25.127	22.890	-2.237
- Tài sản cố định vô hình	19.739	19.739	0
- Tài sản dở dang dài hạn	42	0	-42
- Tài sản dài hạn khác	166	827	661
CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	198.107	211.771	13.664

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/ Giảm
1- Nợ phải trả	71.353	74.174	2.821
- Nợ ngắn hạn	71.353	74.174	2.821
- Nợ dài hạn			
2- Vốn chủ sở hữu	126.754	137.597	10.843
CỘNG NGUỒN VỐN	198.107	211.771	13.664

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

- Tiếp tục thực hiện đúng các quy định theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và HACCP, chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ y tế và các tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước nhập khẩu, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt nhất trước khi đưa ra thị trường phân phối đến tay người tiêu dùng.

- Công tác nghiên cứu, cải tiến chất lượng sản phẩm và xử lý sản phẩm không phù hợp (nếu có) đã mang lại hiệu quả rõ rệt, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm mức độ xử lý sản phẩm không phù hợp.

- Kiểm soát tốt việc sử dụng điện - nước, nguyên phụ liệu - vật tư - nhiên liệu không để phát sinh vượt định mức; Quản lý an toàn thiết bị, an toàn lao động trong quá trình vận hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Công ty tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, cải tạo nhà xưởng, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt về sản phẩm và đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, đảm bảo thực hiện đúng quy định ATVSTP cho tất cả các sản phẩm Safoco, tuân thủ đúng theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO và HACCP.

- Xây dựng các chương trình bán hàng thích hợp, tăng cường tham gia các hội chợ thương mại nước ngoài để kiếm thêm khách hàng mới tăng thị phần tiêu thụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Thực hiện triệt để công tác tiết kiệm, giảm chi phí, giảm giá thành tạo sức cạnh tranh nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

- Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo công nhân nhằm tăng năng suất lao động, thực hiện chế độ lương thưởng hợp lý, tạo điều kiện tốt nhất để người lao động phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của Công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội, cụ thể:

- Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý (nước thải, khí thải) đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường, vận dụng nhiều biện pháp để thu gom phân loại và xử lý đối với chất thải rắn (thông thường và nguy hại).

- Xây dựng ý thức tiết kiệm điện - nước khi sử dụng cho Người lao động bằng phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động. Song song xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, xanh - sạch - đẹp và không khói thuốc.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công tác ATVSLĐ luôn được Công ty quan tâm bằng những việc làm cụ thể như: Đào tạo về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động; Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; Trang bị đầy đủ thuốc men, dụng cụ y tế và tổ chức tập huấn sơ cấp cứu tại chỗ; Thực hiện đo kiểm môi trường lao động; Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân theo từng phân xưởng, vị trí chức danh công việc cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Chính sách của Công ty đề ra là **“Đặt lợi ích sức khỏe của người tiêu dùng lên trên hết”** nên việc đảm bảo ATVSTP luôn được đặt hàng đầu, tuyệt đối tuân thủ theo quy trình như sau:

+ Kiểm soát từ nguồn nguyên phụ liệu đưa vào sản xuất đến bao bì đóng gói. Thực hiện công tác quản lý và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO và HACCP).

+ Cung cấp thông tin đầy đủ về thành phần, cách sử dụng và thời gian bảo quản để người tiêu dùng hiểu và dễ chọn lựa.

- Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” và “Lá lành đùm lá rách”. Hàng năm Công ty, Cổ đông và Người lao động đều tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho hoạt động xã hội từ thiện như: xây dựng nhà tình thương, tặng quà cho các gia đình chính sách neo đơn, các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Năm 2019, Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn thực hiện chỉ tiêu doanh thu vượt kế hoạch, duy trì lợi nhuận đạt gần 93% kế hoạch năm và tăng

trường hơn 4,3% so với cùng kỳ 2018, đảm bảo tiền lương của người lao động tăng trưởng, nộp ngân sách đầy đủ, đúng quy định, đây là một nỗ lực rất lớn của tập thể công ty.

Công tác đầu tư năm 2019 mang lại hiệu quả cao: nhà xưởng được cải tạo, mở rộng, các kho thành phẩm được nâng cấp tăng diện tích chứa hàng, máy móc thiết bị được đầu tư mới, ứng dụng công nghệ mới sản xuất đảm bảo đạt chuẩn về an toàn thực phẩm. Đối với sản phẩm xuất khẩu luôn tuân thủ tiêu chuẩn của từng nước sở tại (như: Tiêu chuẩn của khối EU, tiêu chuẩn FDA của nước Mỹ, tiêu chuẩn của Hàn quốc,...).

Bộ máy tổ chức ổn định, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật của Công ty có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, công nhân lành nghề, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn, đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đạt được kết quả trên là do sự phối hợp nhịp nhàng giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và người lao động giúp cho việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT được nhanh chóng và chính xác.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành công ty

Ban điều hành đã thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với chủ trương, nghị quyết của HĐQT, triển khai quyết liệt nhưng cẩn trọng chắc chắn. Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc, định kỳ hàng tháng/quý có tổ chức họp để đánh giá kết quả thực hiện công việc trong tháng và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành. Công ty không để xảy ra các trường hợp gian lận và không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan.

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã duy trì một hệ thống khung lương thưởng công bằng, hợp lý, cạnh tranh. Có kế hoạch đào tạo nhân sự kế thừa cho các vị trí cấp cao, cấp trung đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong nhiệm kỳ IV và những năm tiếp theo.

Chính vì vậy, HĐQT tin tưởng với bản lĩnh, kinh nghiệm và sự kiên trì đầy tâm huyết của Tổng giám đốc cùng Ban điều hành sẽ triển khai thực hiện các quyết sách của HĐQT đạt hiệu quả cao góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, phát triển thị trường trong nước và từng bước chinh phục các thị trường khó tính trong bối cảnh ngày càng hội nhập sâu rộng hơn.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

a) Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	1.070.000
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	14.500
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	13.900
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	55.000

b) Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Khai thác, vận hành hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và HACCP một cách có hiệu quả, kết hợp với việc đầu tư cải tiến kỹ thuật nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu SAFOCO.

- Nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

- Giữ vững khách hàng truyền thống, tiếp tục khai thác mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Tham gia các hội chợ thương mại lớn ở một số nước để tìm thêm các khách hàng mới và quảng bá thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài để tăng thêm sản lượng bán ra.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Chi nhánh công ty tại Hà Nội nhằm quảng bá thương hiệu và phát triển mạng lưới tiêu thụ.

- Tăng cường khai thác thêm khách hàng, quay nhanh nguồn vốn, gia tăng doanh số, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh nhà hàng ăn uống, mua bán tổng hợp.

- Tuyển dụng nhân sự đủ về lượng, đạt về chất phù hợp với sự phát triển của công ty, kết hợp với nghiên cứu, thực hiện các chính sách đãi ngộ để giữ hoặc thu hút lao động giỏi. Lựa chọn nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để đưa vào quy hoạch đội ngũ lãnh đạo kế thừa.

- Đào tạo mới, đào tạo chuyên sâu, chuyên nghiệp về chuyên môn, kỹ thuật, quản lý và kỹ năng tay nghề cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Danh sách TV.HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2019:

Stt	Họ tên & Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%)
		Sở hữu	Đại diện sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông Trần Hoàng Thao - Chủ tịch HĐQT	6.141	1.583.630	1.589.771	20,08
2	Bà Phạm Thị Thu Hồng - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	850.513		850.513	10,74
3	Bà Nguyễn Thị Hoài - TV.HĐQT		791.815	791.815	10,00
4	Ông Nguyễn Công Minh Khoa - TV.HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	28.125	894.592	922.717	11,65
5	Ông Nguyễn Văn Sang - TV.HĐQT		1.882.949	1.882.949	23,78

Ghi chú:

♦ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Hưng và bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Hoài là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2018 - 2022).

♦ Ông Trần Hoàng Thao, Bà Nguyễn Thị Hoài, Ông Nguyễn Công Minh Khoa là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần.

♦ Ông Nguyễn Văn Sang là đại diện sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen.

- Chức danh TV.HĐQT của Công ty tại các doanh nghiệp khác:

Ông Nguyễn Văn Sang đang là Chủ tịch HĐQT của 04 doanh nghiệp: Công ty cổ phần Dược Cửu Long, Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Tập đoàn FIT, Công ty Cổ phần Thương Mại Dũng Tâm.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty đã giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các văn bản pháp luật hiện hành.

Năm 2019, HĐQT đã thực hiện 05 phiên họp thường kỳ và 01 phiên họp bằng văn

bản để xem xét, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT, với sự mở rộng tham gia dự họp của các thành viên BKS. Trong năm, HĐQT công ty thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của Công ty và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Đồng thời, HĐQT lắng nghe đóng góp ý kiến của BKS với Ban TGD về hoạt động điều hành để thực hiện nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành được thêm phần thuận lợi là Chủ tịch HĐQT chuyên trách nên thường xuyên tham dự các cuộc họp của Công ty... Từ đó, có cơ sở đánh giá công tác điều hành qua việc tuân thủ quy định nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của HĐQT đối với tình hình SXKD cùng công tác quản trị.

Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD của công ty giúp cho Ban Tổng giám đốc quản trị rất tốt từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, hoàn thiện bộ máy tổ chức nhân sự nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực, nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ đáp ứng nhu cầu sản xuất... tạo tiền đề cho công ty phát triển bền vững.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đóng góp cho các vấn đề khi đưa ra thảo luận.

đ) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

e) Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Bà Phạm Thị Thu Hồng – TV.HĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Công Minh Khoa – TV.HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

g) Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Ông Trần Hoàng Thao – Chủ tịch HĐQT
- Bà Phạm Thị Thu Hồng – TV.HĐQT, Tổng giám đốc

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ tên & Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%)
		Sở hữu	ĐD sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông Nguyễn Trương Nguyễn - Trưởng BKS	0	0	0	0
2	Ông Trần Hoàng Ngân - Thành viên BKS	0	791.815	791.815	10%
3	Ông Đặng Minh Nam - Thành viên BKS	0	0	0	0

Ghi chú:

♦ Ông Trần Hoàng Ngân là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tổ chức các cuộc họp:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; tham gia thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp, buổi làm việc khác của công ty. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty. Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho BKS nắm bắt, tìm hiểu thông tin trong hoạt động SXKD.

Ban điều hành đã bố trí nhân sự, điều kiện làm việc thuận lợi; cung cấp các báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận.

HĐQT, BKS và Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Công tác giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác SXKD, đầu tư XDCB của Công ty.

Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết. Hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, tình hình tài chính; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2019, Điều lệ công ty, pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của HĐQT và Ban điều hành Công ty.

Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính các quý, Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và Báo cáo kiểm toán năm 2019, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty. Thảo luận với kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu thực hiện việc kiểm toán.

- Phương thức giám sát

Hoạt động giám sát của BKS được thực hiện bằng phương thức: giám sát “trực tiếp – gián tiếp và trước – trong – sau”. Do đặc thù của Safoco nên BKS tập trung việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của doanh nghiệp và có cảnh báo, giải pháp xử lý trực tiếp với trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và cổ đông.

Trong năm 2019, giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2019. BKS cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

BKS luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, chi nhánh để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS như:

+ Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện bố trí nhân sự và đầu mối cung cấp đầy đủ thông tin trong quá trình BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại các Phòng ban và các quyết định của HĐQT, Ban điều hành.

+ Định kỳ, BKS đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Hội đồng quản trị:

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Ông Trần Hoàng Thao	CT.HĐQT	Là CT.HĐQT chuyên trách nên có tiền lương nhưng không hưởng thù lao.	796.338	
2	Bà Phạm Thị Thu Hồng	TV.HĐQT	90.000		
3	Bà Nguyễn Thị Hoài	TV.HĐQT	67.500		Bổ nhiệm TV. HĐQT từ tháng 04/2019
4	Ông Nguyễn Văn Hưng	TV.HĐQT	22.500		Miễn nhiệm TV. HĐQT từ tháng tháng 04/2019
5	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	TV.HĐQT	90.000		
6	Ông Nguyễn Văn Sang	TV.HĐQT	90.000		

- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Tổng giám đốc	1.625.086	
2	Ông Nguyễn Tuấn Bao	Phó Tổng GĐ	756.139	
3	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng GĐ	805.052	
4	Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	614.045	

- Ban kiểm soát

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trương Nguyễn	Trưởng BKS	Là Trưởng BKS chuyên trách nên có tiền lương nhưng không hưởng thù lao	496.704	
2	Ông Trần Hoàng Ngân	TV.BKS	78.000		
3	Ông Đặng Minh Nam	TV.BKS	78.000		

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

(HDQT, BKS, Ban TGD, KTT, Thư ký công ty, Cổ đông lớn, và những người liên quan đến các đối tượng này): không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty được thực hiện tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



Số: 150120.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco được lập ngày 10 tháng 01 năm 2020, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-2018-002-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 tại website của Công ty:
www.safocofood.com

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2020

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Thu Hồng